

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HS-ST

Ngày : 31/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hiền

Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 28 và ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

D; sinh ngày 24 tháng 10 năm 1980 tại Thái Bình; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: D khu phố E, phường G, phường H, thành phố I, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: D1 và bà: D2; có vợ: K và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

Bị hại: Ông L, sinh năm 1953, nơi cư trú: M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (Đã chết sau tai nạn).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà P, sinh năm 1955 là vợ của bị hại, nơi cư trú: M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo hồ sơ vụ án thể hiện tại thời điểm xảy ra tai nạn ông L còn sống, nhưng tại thời điểm xét xử đã chết)

2. Chị M, sinh năm 1977, là con của bị hại, nơi cư trú: M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chị M1, sinh năm 1979, là con của bị hại, nơi cư trú: M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chị M2, sinh năm 1986, là con của bị hại, hộ khẩu thường trú: A1, phường A2, quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Anh M3, sinh năm 1988 là con của bị hại, hộ khẩu thường trú: M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, chị M, chị M2, anh M3: Bà N1 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần L1 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 20/10/2020, D điều khiển và đỗ xe ô tô biển số 51C- 643.14 tại trước số A, Phường B, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh, hướng xe từ đường Đồng Đen về đường Phan Sào Nam, D vừa mở cánh cửa bên trái xe ô tô để đi ra ngoài nhưng không quan sát, cánh cửa xe ô tô va chạm vào tay lái bên phải của xe mô tô biển số 52H2-7313 do ông L (sinh năm 1953) điều khiển lưu thông từ phía sau cùng chiều với hướng xe ô tô của D gây tai nạn làm ông L bị thương nặng, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện 115. Đến ngày 15/11/2020, ông L chết tại bệnh viện.

Tại kết luận giám định pháp y tử thi số 1949-20/KLGĐ-PY ngày 21/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh kết luận: Nguyên nhân chết của ông L do viêm phổi, suy đa cơ quan và chấn thương sọ não. Kết luận giám định pháp y bổ sung số 1435-21/KLGĐ-PY ngày 06/04/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nguyên nhân dẫn đến L chết do chấn thương sọ não diễn tiến viêm phổi, suy đa cơ quan.

Kết quả điều tra xác định được nguyên nhân gây tai nạn làm ông L chết là do D điều khiển xe ô tô tải biển số 51C- 643.14 đỗ xe và mở cửa xe không đảm bảo an toàn gây tai nạn giao thông vi phạm điểm đ khoản 3 Điều 18 của Luật giao thông đường bộ, hậu quả ông L tử vong do chấn thương sọ não diễn tiến viêm phổi, suy đa cơ quan.

Tại Cơ quan điều tra, D đã khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời gia đình nạn nhân là bà M2 con ruột ông L (đại diện hợp pháp của nạn nhân) có làm đơn xin bãi nại và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D vì sau khi xảy ra tai nạn, bị can D tích cực đưa ông L đi cấp cứu và chăm sóc khi điều trị tại bệnh viện, phía gia đình của D đã tự nguyện hỗ trợ bồi thường cho gia đình P.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe ô tô tải mang biển số 51C- 643.14; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 51C- 643.14 mang tên Công ty CP L1 (bản chính); 01 giấy đăng

kiểm số KD 3572874 của xe ô tô tải mang biển số 51C- 643.14 (bản chính). Xác minh xe, giấy chứng nhận, giấy đăng kiểm là của Công ty CP L1, địa chỉ: L2, Phường L3, quận O do bà L4 làm Tổng giám đốc. Cơ quan Cảnh sát điều tra trả xe và Giấy tờ liên quan cho Công ty CP L1 theo qui định.

- 01 xe mô tô mang biển số 52H2-7313; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 52H2-7313 số 071219 mang tên Đ (bản chính); 01 giấy phép lái xe số B426540 mang tên L (bản chính). Xác minh chủ xe là bà Đ, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú tại Đ1, Phường B1, quận B2, bà Đ chuyển khẩu về địa chỉ C1, phường C2, quận C3, hiện bà Đ đã bán nhà, rõ nơi cư trú nên không làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra đăng báo mời bà Đ đến làm việc nhưng không có kết quả. Bà M2 là con ông L cho biết ông L mua chiếc xe trên sử dụng đã lâu không làm giấy tờ mua mà chỉ có giấy đăng ký xe. Gia đình cũng chủ động tìm bà Đ để sang tên xe nhưng không biết hiện tại bà Đ đang ở đâu. Ngày 27/12/2021, P làm đơn xin nhận lại xe của ông L, cam kết xe do ông L mua, xe không bị tranh chấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả xe và giấy tờ liên quan cho P theo qui định.

- 01 giấy phép lái xe số 750170020260 mang tên D, trả cho D.

- Lưu kèm hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD (đã niêm phong).

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS- TB ngày 21 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời khai của bị cáo, Đại diện gia đình bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì vì sự bất cẩn, D là người trên 18 tuổi, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý, điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-643.14 đỗ xe và mở cửa xe không đảm bảo an toàn gây tai nạn giao thông, vi phạm điểm đ khoản 3 Điều 18 của Luật giao thông đường bộ, gây hậu quả ông L tử vong do chấn thương sọ não diễn tiến viêm phổi, suy đa cơ quan. Hành vi vi phạm của D là lỗi chính, ông L điều khiển xe mô tô biển số 52H2- 7313 có giấy phép lái xe, lưu thông đúng phần đường quy định, không có lỗi.

Hành vi trên của D đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người; '

Quá trình điều tra, bị can D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực đưa ông L đi cấp cứu và chăm sóc khi điều trị tại bệnh viện, tự thương lượng bồi thường khắc phục hậu quả, đại diện hợp pháp của bị hại bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị can, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh khó khăn, con bị cáo bệnh tim bẩm sinh, được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo từ **01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách theo quy định pháp luật.**

Về trách nhiệm dân sự: D đã hỗ trợ và bồi thường cho gia đình ông L số tiền 203.000.000 đồng, bà M2 con ruột ông L (đại diện hợp pháp của bị hại) có làm đơn xin bãi nại, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và không yêu cầu gì thêm đối với D. Xét sự thỏa thuận này của gia đình bị hại và bị cáo không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vật chứng vụ án:

- 01 xe ô tô tải mang biển số 51C- 643.14; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 51C- 643.14 mang tên Công ty CP L1 (bản chính); 01 giấy đăng kiểm số KD 3572874 của xe ô tô tải mang biển số 51C- 643.14 (bản chính). Xác minh xe, giấy chứng nhận, giấy đăng kiểm là của Công ty CP L1, địa chỉ: L2, Phường L3, quận O do L4 làm Tổng giám đốc. Cơ quan Cảnh sát điều tra trả xe và Giấy tờ liên quan cho Công ty CP L1 theo qui định. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- 01 xe mô tô mang biển số 52H2-7313; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 52H2-7313 số 071219 mang tên Đ (bản chính); 01 giấy phép lái xe số B426540 mang tên L (bản chính). Xác minh chủ xe là bà Đ, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú tại Đ1, Phường B1, quận B2, bà Đ chuyển khẩu về địa chỉ C1, phường C2, quận C3, hiện bà Đ đã bán nhà, không rõ nơi cư trú nên không làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra đăng báo mời bà Đ đến làm việc nhưng không có kết quả. Bà M2 là con ông L cho biết ông L mua chiếc xe trên sử dụng đã lâu không làm giấy tờ mua mà chỉ có giấy đăng ký xe. Gia đình cũng chủ động tìm bà Đ để sang tên xe nhưng không biết hiện tại bà Đ đang ở đâu. Ngày 27/12/2021, P làm đơn xin nhận lại xe của ông L, cam kết xe do ông L mua, xe không bị tranh chấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả xe và giấy tờ liên quan cho P theo qui định. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- 01 giấy phép lái xe số 750170020260 mang tên D, trả cho D. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo

để chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm giúp cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình và lao động để có tiền bồi thường cho gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ được Công an quận Tân Bình lập, thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, cấm đi khỏi nơi cư trú để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo D về hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phân xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng; nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo thì hành vi điều khiển xe lưu thông vào đường A, Phường B, quận O tấp vào sát lề bên phải và dừng lại trước số A4 đường A để đi ăn cơm trưa, khi mở cửa xe bên trái để bước xuống nhưng bất cẩn không quan sát vào kính chiếu hậu hay nhìn quan sát khu vực xung quanh mà lại mở cửa của bị cáo đã vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 18 Luật giao thông đường bộ, là nguyên nhân gây ra vụ tai nạn giao thông làm cho bị hại bị thương nặng dẫn đến chết, là hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời qua phân phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm cơ sở chứng minh hành vi phạm tội đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo tuy là lỗi vô ý nhưng hậu quả là rất nghiêm trọng vi phạm Luật giao thông đường bộ, xâm phạm an toàn công cộng, gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 203.000.000 đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, là lao động chính và gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn (vợ bệnh tiểu đường mãn tính đang điều trị, con bị bệnh tim bẩm sinh đang điều trị) nên cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Việc đại diện viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo để đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 260, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ (điểm b,s) quy định tại khoản 1 Điều 51; có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (gia đình bị hại có đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự) bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, không thuộc trường hợp không được cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó Hội đồng xét xử thống nhất cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 203.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường cho gia đình của bị hại, hiện nay không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét lại như đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về vật chứng vụ án:

- 01 xe ô tô tải mang biển số 51C- 643.14; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 51C- 643.14 mang tên Công ty CP L1 (bản chính); 01 giấy đăng kiểm số KD 3572874 của xe ô tô tải mang biển số 51C- 643.14 (bản chính). Xác minh xe, giấy chứng nhận, giấy đăng kiểm là của Công ty CP L1, địa chỉ: L2, Phường L3, quận O do L4 làm Tổng giám đốc. Cơ quan Cảnh sát điều tra trả xe và Giấy tờ liên quan cho Công ty CP L1 theo qui định. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- 01 xe mô tô mang biển số 52H2-7313; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 52H2-7313 số 071219 mang tên Đ (bản chính); 01 giấy phép lái xe số B426540 mang tên L (bản chính). Xác minh chủ xe là bà Đ, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú tại Đ1, Phường B1, quận B2, bà Đ chuyển khẩu về địa chỉ C1, phường C2, quận C3, hiện bà Đ đã bán nhà, không rõ nơi cư trú nên không làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra đăng báo mời bà Đ đến làm việc nhưng không có kết quả. Bà M2 là con ông L cho biết ông L mua chiếc xe trên sử dụng đã lâu không làm giấy tờ mua mà chỉ nhận giấy đăng ký xe. Gia đình cũng chủ động tìm bà Đ để sang tên xe nhưng không biết hiện tại bà Đ đang ở đâu. Ngày 27/12/2021, P làm đơn xin nhận lại xe của ông L, cam kết xe do ông L mua, xe không bị tranh chấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả xe và giấy tờ liên quan cho P

theo qui định. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên D do Công an thu giữ của bị cáo. Xét thấy đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 260, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1] Tuyên bố bị cáo D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: D 01 (một) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân phường D1, Thành phố D2, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo (khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thi hành xong trách nhiệm dân sự.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người ĐDHP bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc

